TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-PT
Ngày 29-11-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn A; nơi cư trú: Số X TV, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Số X TV, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là Anh Đoàn Văn A trình bày như sau:

Anh Đoàn Văn A và Chị Nguyễn Thị B kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 02/6/2009. Sau lễ cưới, anh và Chị B chung sống tại phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thì Chị B đã có mối quan hệ thân thiết với những người đàn ông khác. Anh và gia đình đã khuyên can, Chị B cũng đã viết cam kết không còn có những mối quan hệ như vậy nữa nhưng sau đó Chị B vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, làm ăn cũng như đối xử giữa các thành viên trong gia đình. Do không còn tình cảm với Chị B, anh lấy lý do bận công việc, ít khi về nhà và sống ly thân với Chị B. Xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị B.

Về con chung; Anh và Chị B có chung 02 con trai là Đoàn Chung C, sinh ngày 26/12/2009 và Đoàn Trường D, sinh ngày 29/9/2014. Anh và Chị B có điều kiện nuôi con ngang nhau nên anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi con Đoàn Chung C, giao cho Chị B nuôi con Đoàn Trường D. Việc cấp dưỡng cho con sẽ do anh và Chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa anh và Chị B.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn là Chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và Anh Đoàn Văn A có tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau 02 con chung là Đoàn Chung C và Đoàn Trường D. Trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì, vợ chồng tin tưởng bảo nhau làm ăn. Gần đây Anh Đoàn Văn A bỏ bê công việc, không chăm lo cho gia đình và các con, qua tìm hiểu chị được biết Anh A có mối quan hệ với người phụ nữ khác và Anh A có làm đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân quận Hải An. Quan điểm của Chị B là không đồng ý ly hôn với Anh A vì mặc dù Anh A hiện nay không chăm lo cho gia đình nhưng chị vẫn còn tình cảm với Anh A. Chị nghĩ Anh A chỉ vì nhất thời suy nghĩ nông cạn nên chị vẫn muốn Anh A tỉnh táo để nghĩ lại. Chị không muốn các con mất chỗ dựa về tinh thần, dẫn đến các cháu học hành kém, từ khi được biết việc Anh A có đơn xin ly hôn với chị ra Tòa, các cháu buồn chán, các cháu là con trai, rất dễ hư hỏng. Mặt khác, cháu C năm nay là năm cuối cấp 2, chị không muốn vì chuyện bố làm đơn xin ly hôn với mẹ ra Tòa mà cháu không yên tâm học hành, kết quả không như nguyện vọng của cháu sẽ dẫn đến cháu hư hỏng, ảnh hưởng đến tương lai sau này của cháu. Do đó, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Anh A.

Về con chung: Chị và Anh A có chung 02 con trai là Đoàn Chung C, sinh ngày 26/12/2009 và Đoàn Trường D, sinh ngày 29/9/2014. Nếu phải ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 02 con cho chị nuôi. Về điều kiện nuôi con, chị có thu nhập từ nuôi đầm thủy sản và làm thêm cho doanh nghiệp với tổng thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng. Chị yêu cầu Anh A cấp dưỡng cho con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Cho Anh Đoàn Văn A ly hôn với Chị Nguyễn Thị B.

- Giao cháu Đoàn Chung C, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2009 cho Anh Đoàn Văn A, giao cháu Đoàn Trường D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2014 cho Chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 05/10/2023, Chị Nguyễn Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị không đồng ý với phần nội dung của bản án sơ thẩm. Việc bản án cấp sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của chị tại các bản tự khai, đơn đề nghị mà ghi nhận những ý kiến trên của Anh A làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị nên chị đề nghị cấp phúc thẩm đưa đầy đủ quan điểm trình bày của chị vào bản án khi xét xử. Hiện nay, dù Anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng do Chị B vẫn còn tình cảm với Anh A và muốn vợ chồng được đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Nguyễn Thị B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh Đoàn Văn A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Chị Nguyễn Thị B về việc đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung trình bày của chị tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại cấp sơ thẩm. Giữ nguyên các quyết định về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị B không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý xét xử phúc thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

[2] Xét nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện đầy đủ quan điểm của chị tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại cấp sơ thẩm: Nội dung kháng cáo nêu trên của Chị B là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, bổ sung lời trình bày của Chị B trong phần "Nội dung vụ án".

[3] Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị B về việc không đồng ý ly hôn với Anh Đoàn Văn A: Căn cứ vào lời khai của Anh A, Chị B và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình của Anh A tại cấp sơ thẩm, nhận thấy: Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Nay Chị B không đồng ý ly hôn với Anh A vì cho rằng Chị B vẫn còn tình cảm với Anh A, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi Anh A gửi đơn xin ly hôn với Chị B đến nay, Chị B chưa đưa ra được biện pháp cụ thể để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và hàn gắn tình cảm để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Đến nay Anh A vẫn kiên quyết xin ly hôn với Chị B. Xét thấy, giữa Anh A và Chị B không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm, mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không tồn tại nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho Anh A được ly hôn với Chị B là có căn cứ và phù hợp với thực tế hôn nhân của hai anh chị. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo về việc không đồng ý ly hôn của Chị B.

[4] Từ các nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của Chị Nguyễn Thị B, sửa phần "Nội dung vụ án" tại Bản án số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng, bổ sung lời trình bày của bị đơn là Chị Nguyễn Thị B.

[5] Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là Chị Nguyễn Thị B.

Sửa phần "Nội dung vụ án" tại Bản án số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng, bổ sung lời trình bày của bị đơn là Chị Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn A được ly hôn Chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Chung C, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2009 cho Anh Đoàn Văn A; giao cháu Đoàn Trường D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2014 cho Chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Nguyễn Thị B và Anh Đoàn Văn A về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Đoàn Văn A và Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh Đoàn Văn A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004960 ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh Đoàn Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị B được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005020 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về quyền thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Hải An; thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉTXỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Hồ Điệp

Lê Anh Sơn **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng; thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân Thúy